

CHƯƠNG 4

SỰ NGHÈO ĐÓI VÀ BẤT BÌNH ĐẲNG VỀ THU NHẬP

Phân phối thu nhập

■ Phân phối thu nhập theo cá nhân:

Tổng thu nhập mà các cá nhân hay các hộ gia đình nhận được trong một thời gian

■ Phân phối thu nhập theo chức năng

Mỗi nhân tố sản xuất nhận được tỷ phần bao nhiêu trong tổng thu nhập quốc dân

Bất bình đẳng trong phân phối thu nhập

- So sánh các nhóm thu nhập

 - tỷ lệ 10/10, tỷ lệ 20/20

- Đường cong Lorenz:

Mối quan hệ định lượng giữa tỷ lệ phần trăm dân số và tỷ lệ phần trăm tổng thu nhập mà họ nhận được

- Hệ số Gini:

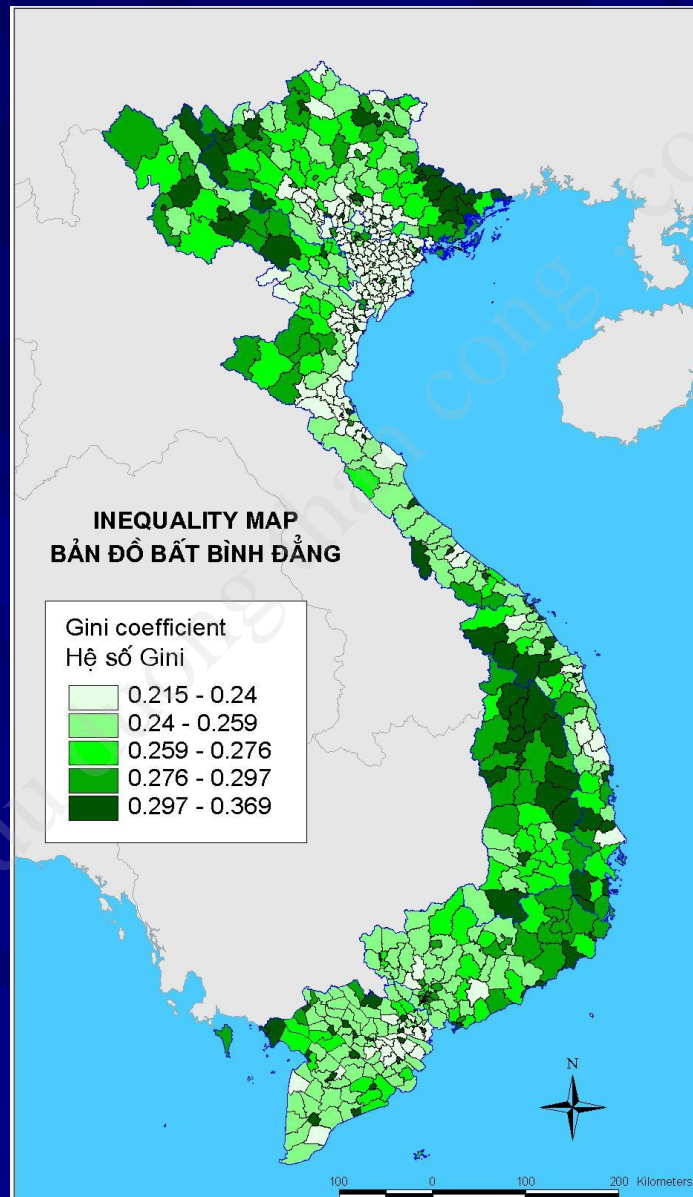
Đo lường mức độ lệch khỏi tình trạng phân phối công bằng hoàn hảo trong phân phối thu nhập

Mức độ bất bình đẳng ở một số quốc gia

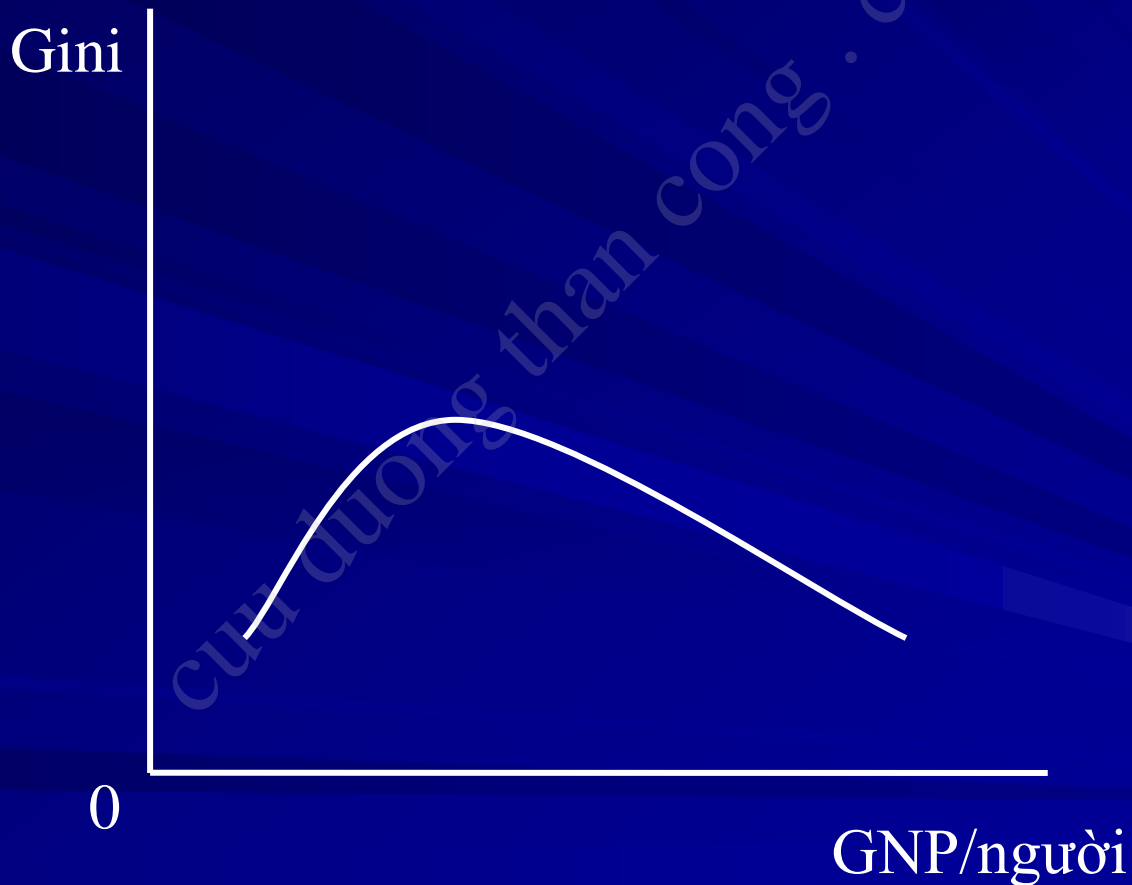
Nước	Năm khảo sát	Tỉ lệ 10/10	Tỉ lệ 20/20	Hệ số Gini
Na-uy	2000	6.1	3.9	25.8
Nhật Bản	1993	4.5	3.4	24.9
Mỹ	2000	15.9	8.4	40.8
Singapore	1998	17.7	9.7	42.5
Malaysia	1997	22.1	12.4	49.2
Thái Lan	2002	12.6	7.7	42.0
Trung Quốc	2001	18.4	10.7	44.7
Philippines	2000	16.5	9.7	46.1
Việt Nam	2002	9.4	6.0	37.0
Lesotho	1995	105.0	44.2	63.2

Nguồn: Báo cáo Phát triển Con người 2006 (UNDP).

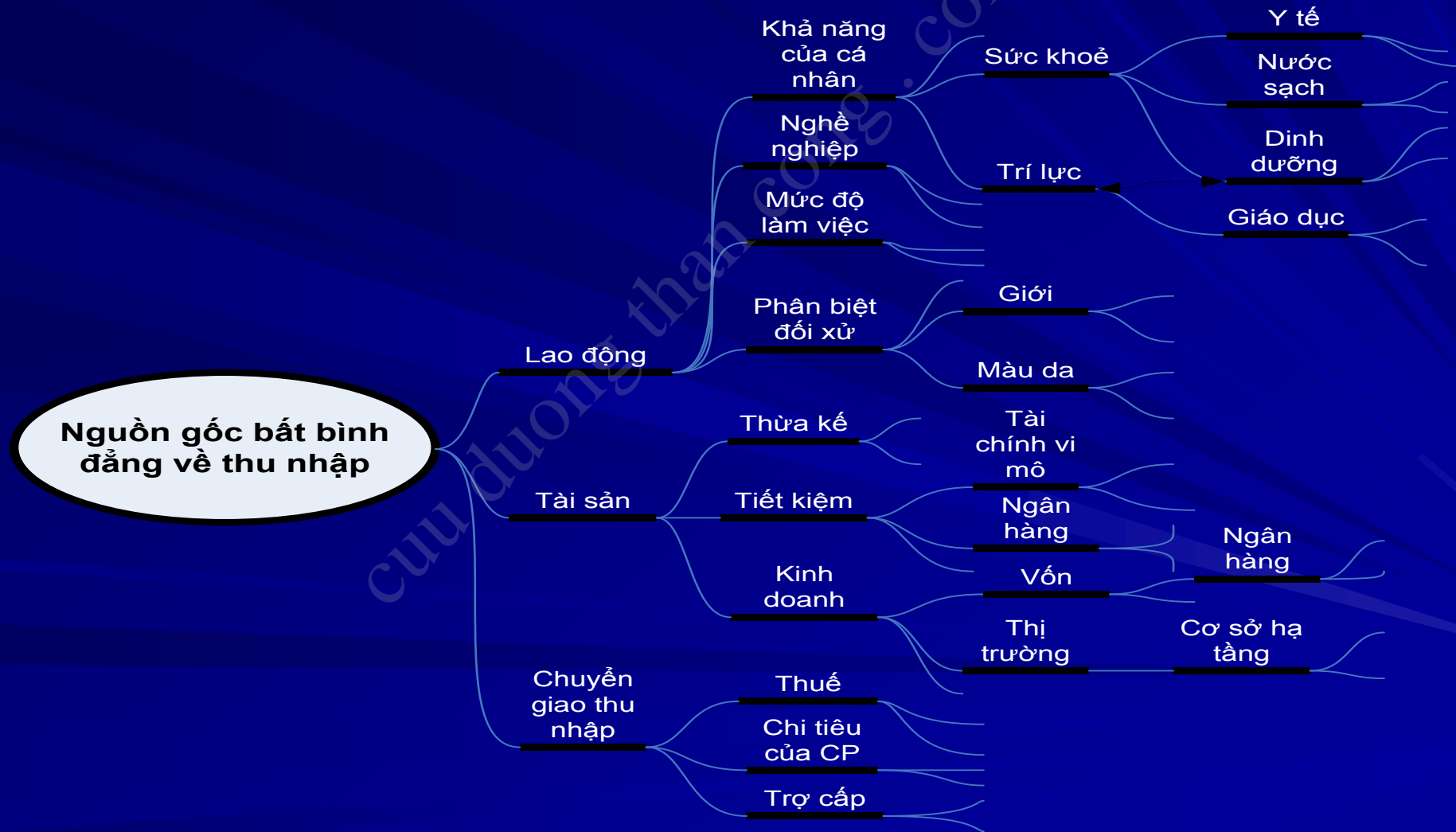
Bản đồ bất bình đẳng ở Việt Nam



Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng trong phân phối thu nhập



Nguồn gốc của bất bình đẳng trong phân phối thu nhập



SỰ NGHÈO ĐÓI



Nghèo là gì?

NGHÈO

tình trạng một bộ phận dân cư **không được hưởng và thỏa mãn các nhu cầu cơ bản của con người** được xã hội thừa nhận tùy theo trình độ phát triển kinh tế - xã hội và phong tục tập quán của địa phương

NGHÈO TUYỆT ĐỐI

không đảm bảo được những nhu cầu cần thiết để duy trì cuộc sống.

NGHÈO TƯƠNG ĐỐI

sống trong điều kiện thấp hơn so với mức trung bình của cộng đồng.

Các tiêu chí nhận diện nghèo

- Định lượng: thu nhập bình quân, chi tiêu bình quân, chỉ số về của cải, ...
- Định tính: thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu nước sạch, con cái không được học, nhà lá/vách đất hoặc không có nhà,...

Đo lường nghèo tương đối

Xác định các nhóm ngũ vị phân

Cá nhân	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Thu nhập cá nhân	1	2	4	5	6	8	10	14	22	28
Phân nhóm Ngũ vị phân (nhóm 20% dân số)	Ngũ vị phân thứ 1 (Nhóm nghèo nhất)		Ngũ vị phân thứ 2		Ngũ vị phân thứ 3 (Nhóm trung bình)		Ngũ vị phân thứ 4		Ngũ vị phân thứ 5 (Nhóm giàu nhất)	

Ngưỡng nghèo hay chuẩn nghèo

- Chuẩn nghèo lương thực, thực phẩm
- Chuẩn nghèo lương thực, thực phẩm và phi lương thực, thực phẩm hay chuẩn nghèo chung

Thế giới:

- Chuẩn thấp: 1\$/ngày/người
- Chuẩn cao: 2\$/ngày/người

Chuẩn nghèo ở Việt Nam

■ Chuẩn nghèo của TCTK và NHTG

	92/93	97/98	2002
Nông thôn	87	-	-
Thành thị	108	-	-
Chung	97	149	160

■ Chuẩn nghèo của Bộ LĐ-TB-XH

	97-01	01-05	06-10
MN, hải đảo	55	80	-
Nông thôn	70	100	200
Thành thị	90	150	260

Đơn vị: 1000 đồng/người/tháng

Các chỉ số nghèo đói

$$P_{\alpha} = \frac{1}{N} \sum_{i=1}^M \left[\frac{(z - y_i)}{z} \right]^{\alpha}$$

trong đó : z là chuẩn nghèo

y_i là thu nhập (hay chi tiêu) của người i trong hộ nghèo

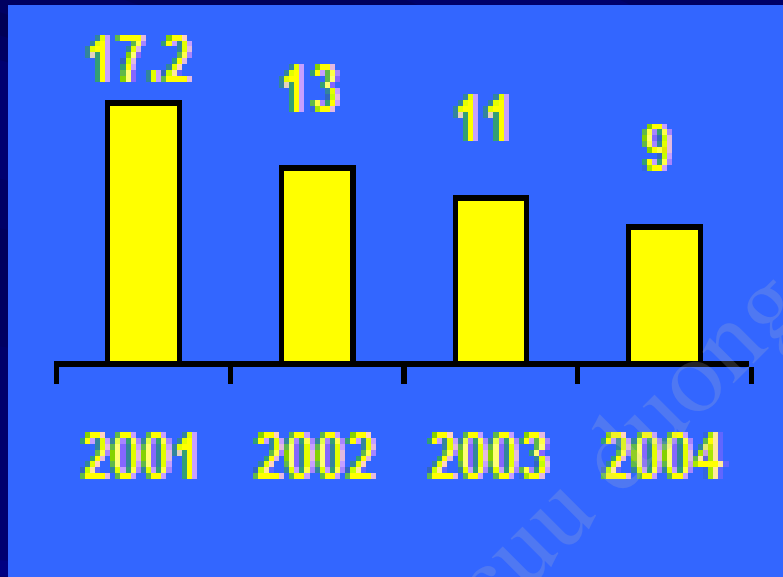
N là số người trong tổng thể

M là số người nghèo

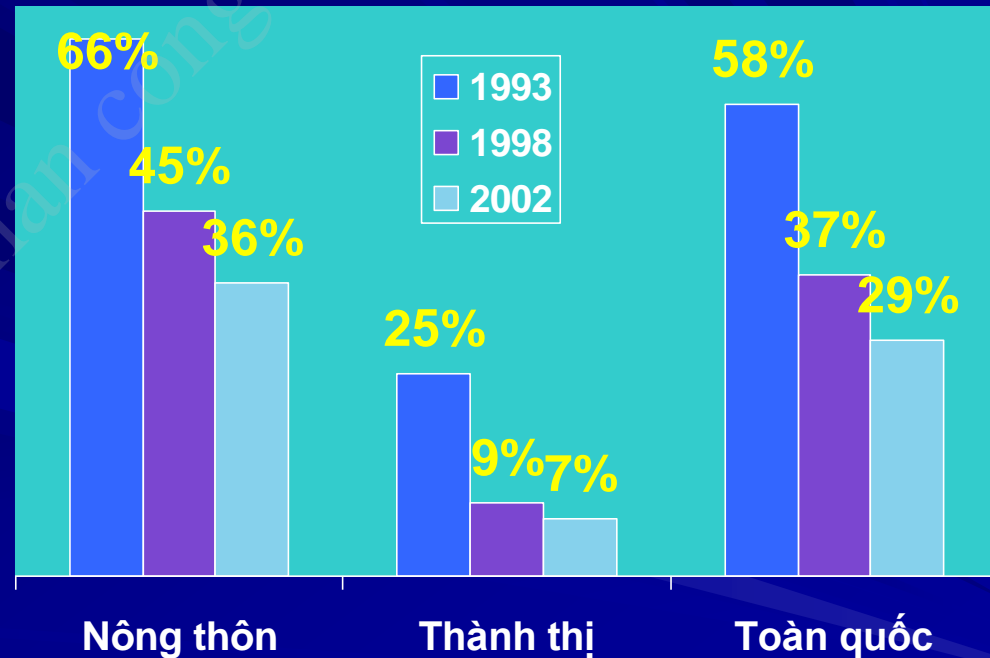
- Tỷ lệ nghèo (P0):
số hộ nghèo / tổng số hộ
số người nghèo / tổng dân số
- Khoảng cách nghèo hay độ sâu nghèo (P1)
- Độ trầm trọng của nghèo (P2)
- Mật độ đói nghèo: số người nghèo / km²

Tỉ lệ nghèo ở Việt Nam

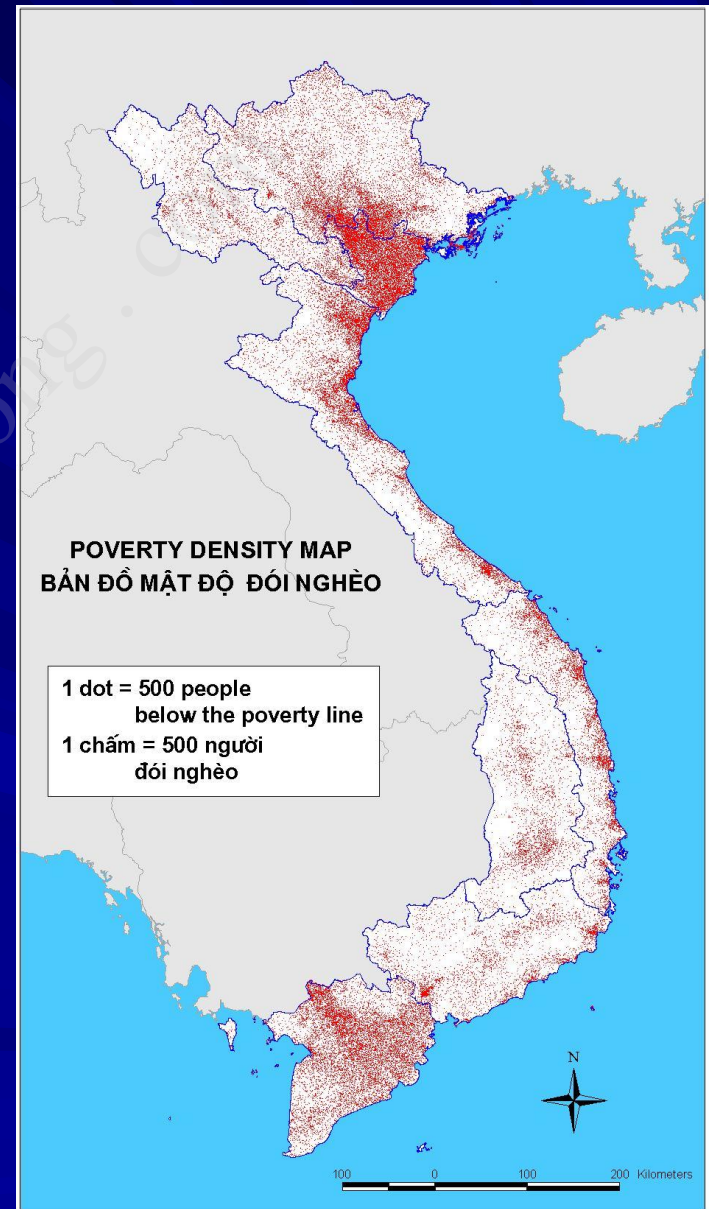
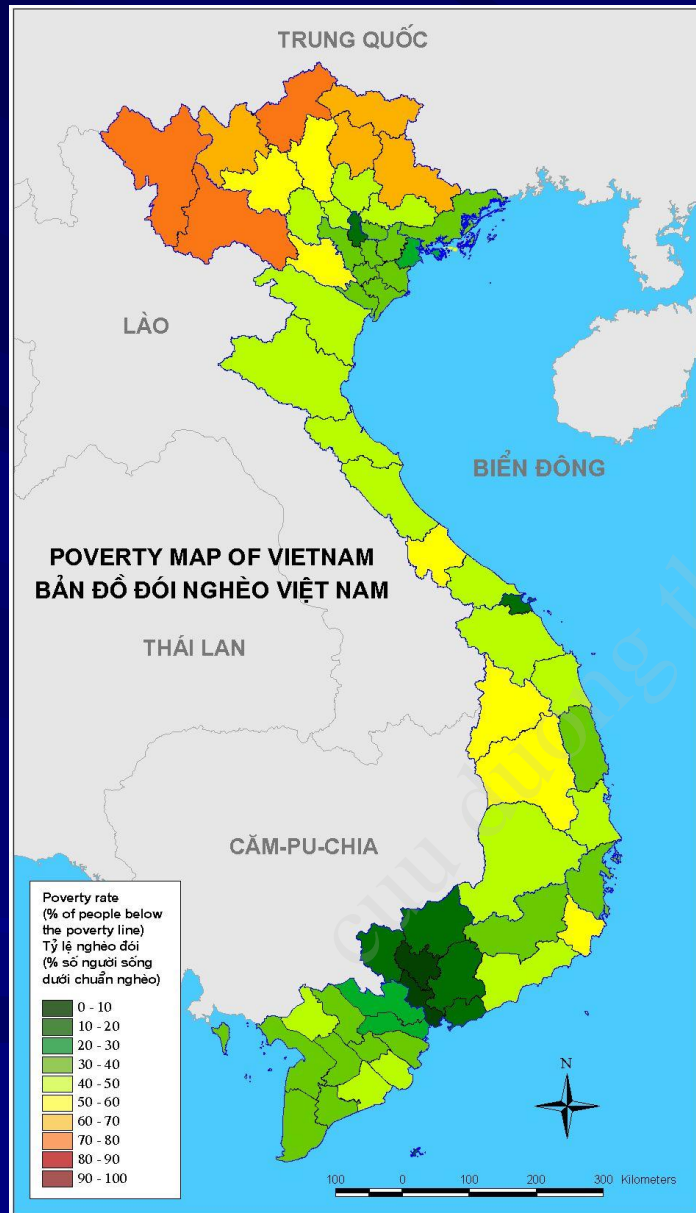
BỘ LĐTBOXH



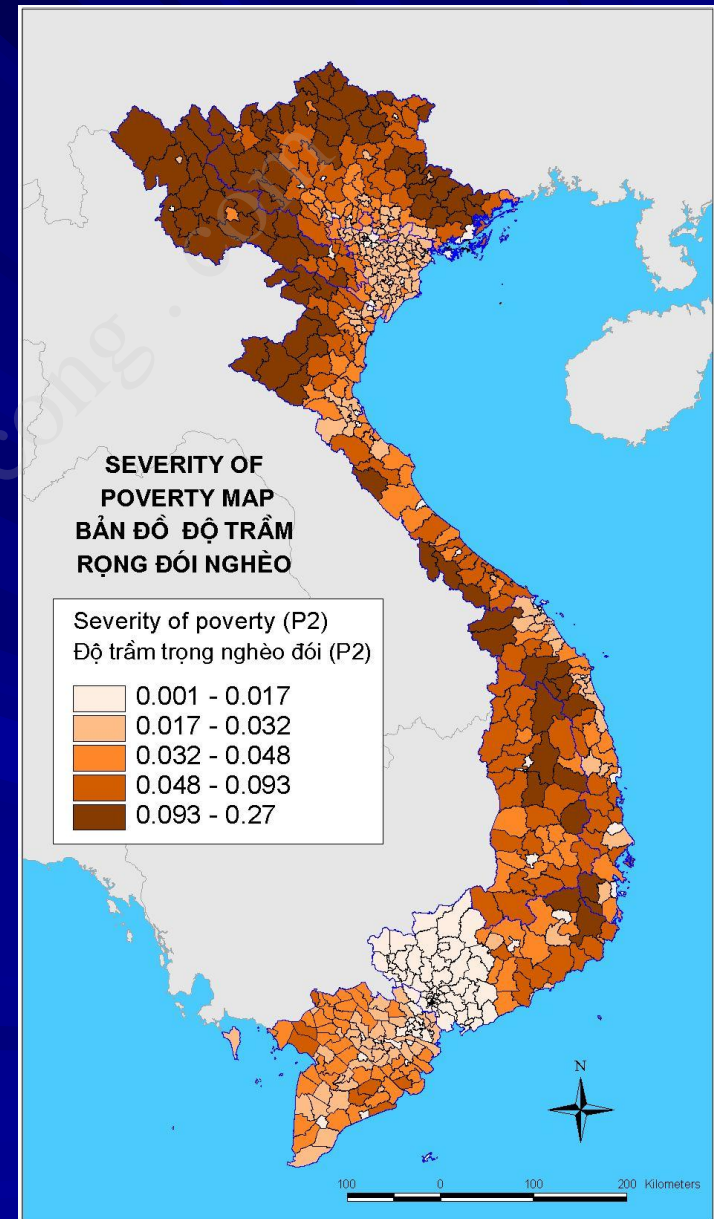
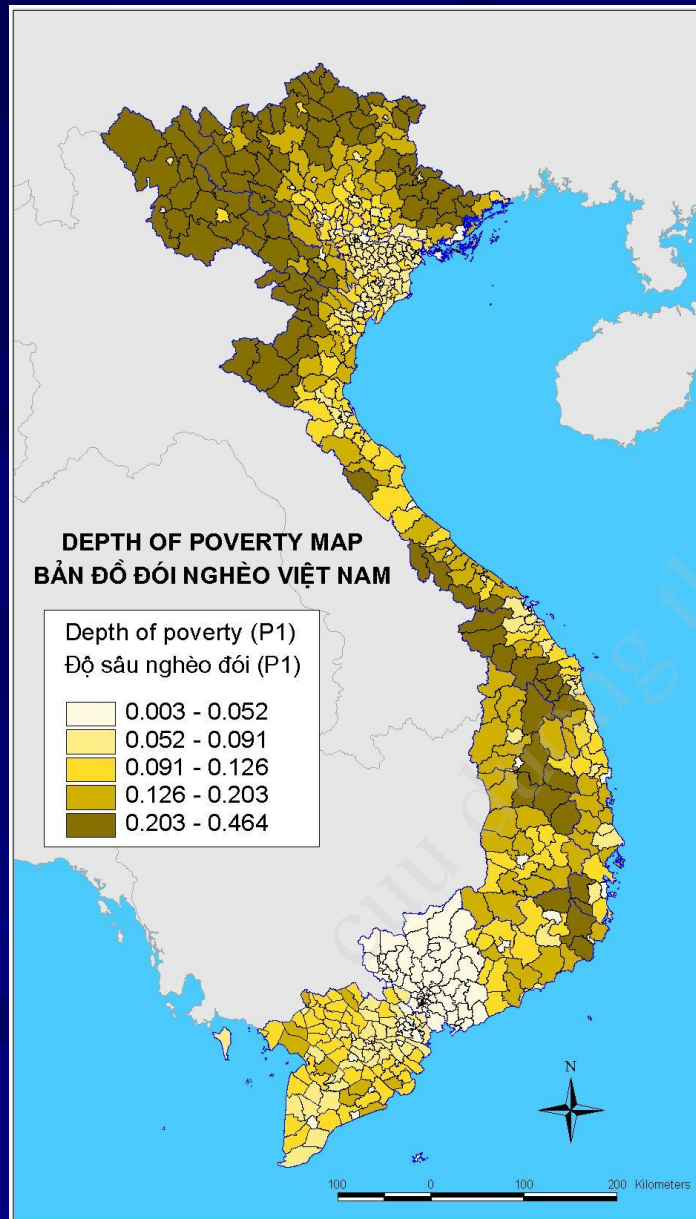
NHTG-TCTK



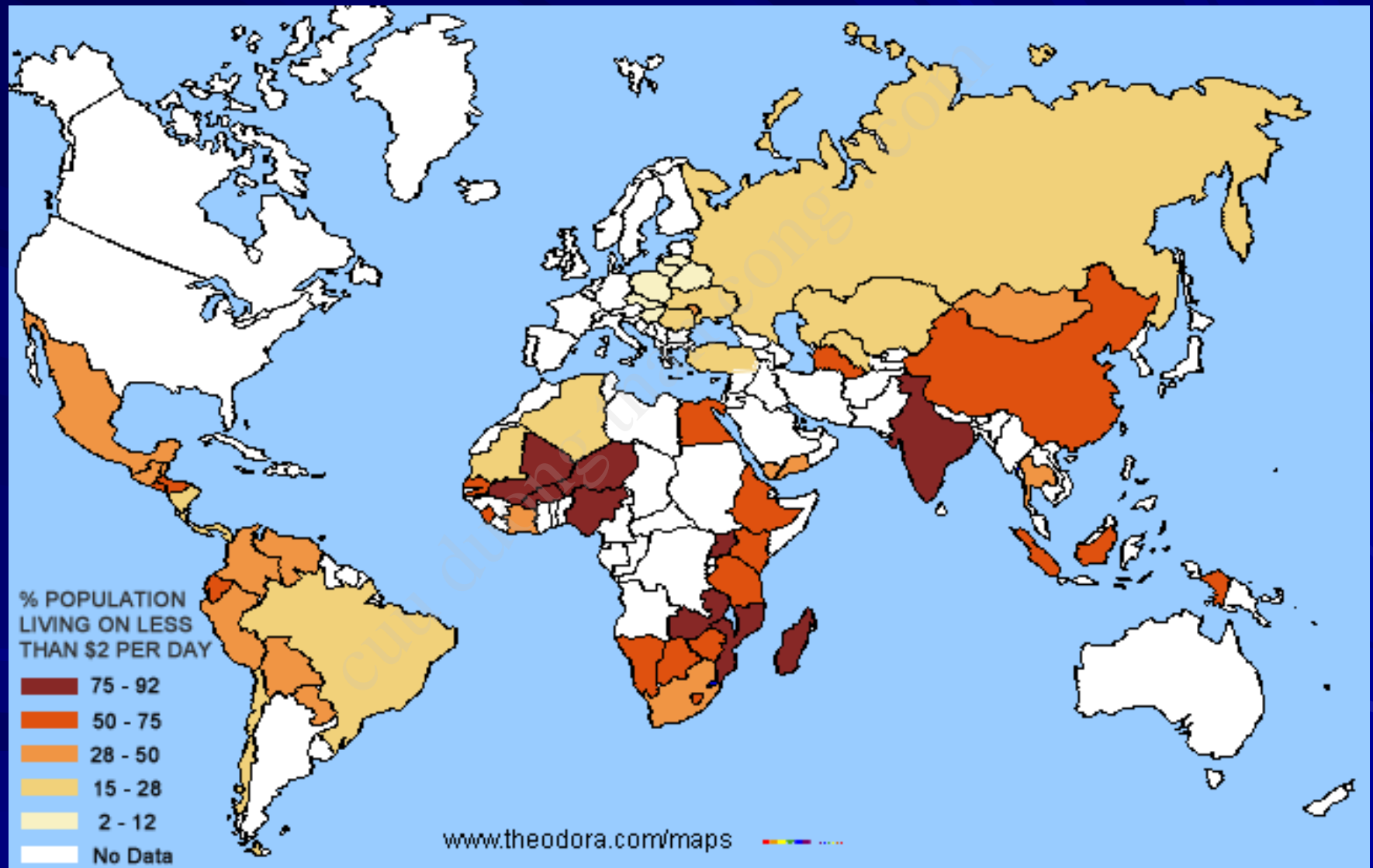
Bản đồ nghèo



Bản đồ nghèo



% dân số sống dưới mức 2\$/ngày (2000)



Xác định các nhóm nghèo đói

Nguyên nhân của đói nghèo

Thảo luận: Các chính sách xóa đói giảm nghèo của Chính phủ

- Nhóm 1: Đất đai
- Nhóm 2: Giáo dục
- Nhóm 3: Y tế
- Nhóm 4: Khuyến nông
- Nhóm 5: Cơ sở hạ tầng
- Nhóm 6: Doanh nghiệp vừa và nhỏ
- Nhóm 7: Phân phối lại thu nhập
- Nhóm 8: Vốn
- Nhóm 9: Tài chính vi mô